

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /GPMT-BTNMT

Hà Nội, ngày tháng năm 2023

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG
BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 68/2022/NĐ-CP ngày 22 tháng 9 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét Công văn số 163/HIDICO-CNHTKCN ngày 08 tháng 9 năm 2023 của Cổ phần Đầu tư Phát triển Nhà và Khu công nghiệp Đồng Tháp (HIDICO) về việc giải trình báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Kiểm soát ô nhiễm môi trường.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Nhà và Khu công nghiệp Đồng Tháp (HIDICO), địa chỉ tại số 12, Lý Thường Kiệt, phường 1, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp, được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường tại Khu công nghiệp Sa Đéc có địa chỉ tại xã Tân Khánh Đông và phường Tân Quy Đông, thành phố Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp, với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của cơ sở:

1.1. Tên cơ sở: Khu công nghiệp Sa Đéc, thành phố Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp (hạng mục Khu C và Khu C mở rộng).

1.2. Địa điểm hoạt động: xã Tân Khánh Đông và phường Tân Quy Đông, thành phố Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mã số 1400404009, do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Tháp cấp, đăng ký lần đầu ngày 06 tháng 11 năm 2006, đăng ký thay đổi lần thứ 11 ngày 02 tháng 4 năm 2021.

1.4. Mã số thuế: 1400404009.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: kinh doanh, cơ sở hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp. Các ngành, nghề được phép thu hút đầu tư vào khu công nghiệp được phân loại theo Quyết định số 27/2018/QĐ-TTg ngày 06 tháng 7 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ ban hành hệ thống ngành kinh tế Việt Nam, bao gồm:

TT	Tên ngành	Mã ngành kinh tế Việt Nam				
		Cấp 1	Cấp 2	Cấp 3	Cấp 4	Cấp 5
1	NÔNG NGHIỆP, LÂM NGHIỆP VÀ THỦY SẢN	A				
1.1	Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa Chi tiết: trồng hoa, cây cảnh				0118	
2	CÔNG NGHIỆP CHẾ BIẾN, CHẾ TẠO	C				
2.1	Sản xuất, chế biến thực phẩm		10			
2.2	Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản			102	1020	
2.3	Chế biến và bảo quản thủy sản đông lạnh					10201
2.4	Chế biến và bảo quản rau quả			103	1030	
2.5	Sản xuất dầu, mỡ động, thực vật			104	1040	
2.6	Xay xát					10611
2.7	Sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột				1062	10620
2.8	Sản xuất thực phẩm khác			107		
2.9	Sản xuất các loại bánh từ bột				1071	10710
2.10	Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn từ thủy sản					10752
2.11	Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản			108	1080	10800
2.12	Sản xuất các loại hàng dệt khác chưa được phân vào đâu				1399	13990
2.13	May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú)			141	1410	14100
2.14	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ					16291
2.15	Sản xuất giấy và sản phẩm từ giấy		17	170		
2.16	Sản xuất sản phẩm từ plastic			222	2220	
2.17	Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ bê tông, xi măng và thạch cao				2395	23950
2.18	Sản xuất linh kiện điện tử			261	2610	26100
2.19	Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng			264	2640	26400
2.20	Đóng tàu và thuyền			301		
2.21	Sản xuất sản phẩm từ kim loại đúc sẵn (trừ máy móc, thiết bị)		25			

TT	Tên ngành	Mã ngành kinh tế Việt Nam				
		Cấp 1	Cấp 2	Cấp 3	Cấp 4	Cấp 5
3	SẢN XUẤT VÀ PHÂN PHỐI ĐIỆN, KHÍ ĐÓT, NƯỚC NÓNG, HƠI NƯỚC VÀ ĐIỀU HOÀ KHÔNG KHÍ	D				
3.1	Điện mặt trời (sản xuất điện từ năng lượng mặt trời)					35116
3.2	Truyền tải và phân phối điện (mua bán điện năng lượng mặt trời)				3512	
4	CUNG CẤP NƯỚC; HOẠT ĐỘNG QUẢN LÝ VÀ XỬ LÝ RÁC THẢI, NƯỚC THẢI	E				
4.1	Khai thác, xử lý và cung cấp nước		36	360	3600	36000
4.2	Thoát nước và xử lý nước thải		37	370	3700	37000
5	BÁN BUÔN VÀ BÁN LẺ; SỬA CHỮA Ô TÔ, MÔ TÔ, XE MÁY VÀ XE CÓ ĐỘNG CƠ KHÁC	G				
5.1	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống Chi tiết: Mua bán hoa, cây cảnh			462	4620	
6	VẬN TẢI KHO BÃI	H				
6.1	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ				4933	
6.2	Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa				5022	
6.3	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa			521		
6.4	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ cho vận tải			522		

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của cơ sở:

- Cơ sở có tiêu chí về môi trường như dự án đầu tư nhóm I theo quy định tại Luật Bảo vệ môi trường 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

- Quy mô: Cơ sở có tiêu chí như dự án nhóm A (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công).

- Tổng diện tích: 91,37 ha.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Nhà và Khu công nghiệp Đồng Tháp:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Nhà và Khu công nghiệp Đồng Tháp có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: **07 năm.**

(từ ngày tháng năm 2023 đến ngày tháng năm 2030).

Giấy phép môi trường thành phần đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp theo quy định của pháp luật hết hiệu lực kể từ ngày Giấy phép này có hiệu lực.

Điều 4. Giao Cục Kiểm soát ô nhiễm môi trường, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đồng Tháp tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với cơ sở được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Bộ trưởng (để báo cáo);
- UBND tỉnh Đồng Tháp;
- Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đồng Tháp;
- BQL các Khu công nghiệp Đồng Tháp;
- Công Thông tin điện tử Bộ TN&MT;
- VP Tiếp nhận & TKQGTTTC, Bộ TN&MT;
- Công ty CP Đầu tư Phát triển Nhà & KCN Đồng Tháp;
- Lưu: VT, KSONMT, CN&NH, O.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Võ Tuấn Nhân

Phụ lục 1**NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-BTNMT ngày tháng năm 2023 của Bộ Tài nguyên và Môi trường)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI:**1. Nguồn phát sinh nước thải:**

- Nguồn số 01: nước thải công nghiệp phát sinh từ hoạt động sản xuất của các cơ sở thứ cấp (lưu lượng xả nước thải lớn nhất: 6.995 m³/ngày).
- Nguồn số 02: nước thải sinh hoạt từ khu nhà điều hành của Khu công nghiệp Sa Đéc (lưu lượng xả nước thải lớn nhất: 5 m³/ngày).
- Nguồn số 03: nước thải khu vực lưu chứa bùn.

2. Dòng nước thải xả thải vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn nước tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải:**2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải:**

Sông Tiền đoạn chảy qua phường Tân Quy Đông, thành phố Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp.

2.2. Vị trí xả nước thải:

- Sông Tiền tại phường Tân Quy Đông, thành phố Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp.
- Tọa độ vị trí xả nước thải (theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 105⁰, múi chiều 3⁰): X= 1141482; Y= 582529.
- Điểm xả nước thải sau xử lý của cơ sở tại bến thủy nội địa Khu C, Khu công nghiệp Sa Đéc.
- Điểm xả nước thải sau xử lý có biển báo, ký hiệu rõ ràng, thuận lợi cho việc kiểm tra, giám sát xả thải theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 87 Luật Bảo vệ môi trường.

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: 7.000 m³/ngày (24 giờ).**2.3.1. Phương thức xả nước thải:**

- Nước thải sau xử lý tại module số 01 và module số 02 được đầu nối vào cùng đường ống thoát nước thải sau xử lý của module số 03. Nước thải sau xử lý của cả 3 module được dẫn xả ra sông Tiền thông qua đường cống tròn bằng bê tông cốt thép, có kích cỡ D600 mm và D800 mm với tổng chiều dài 428,3 m.

- Hình thức xả: tự chảy, xả mặt, xả ven bờ.

2.3.2. Chế độ xả nước thải: liên tục 24 giờ/ngày.

2.3.3. Chất lượng nước thải trước khi xả ra nguồn tiếp nhận phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp (cột A, K_q = 1,2 và K_f = 0,9), cụ thể như sau:

TT	Thông số	Đơn vị	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	Nhiệt độ	°C	40		

TT	Thông số	Đơn vị	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
2	pH	-	6 – 9	3 tháng/lần	Thực hiện quan trắc tự động, liên tục
3	Chất rắn lơ lửng	mg/l	54		
4	COD	mg/l	81		
5	Amoni (tính theo N)	mg/l	5,4		
6	Tổng nitơ	mg/l	21,6		
7	Tổng phốt pho (tính theo P)	mg/l	4,32		
8	Màu	Pt/Co	50		
9	BOD ₅ (20 ⁰ C)	mg/l	32,4		
10	Asen	mg/l	0,054		
11	Thủy ngân	mg/l	0,0054		
12	Chì	mg/l	0,108		
13	Cadimi	mg/l	0,054		
14	Crom (VI)	mg/l	0,054		
15	Crom (III)	mg/l	0,216		
16	Đồng	mg/l	2,16		
17	Kẽm	mg/l	3,24		
18	Niken	mg/l	0,216		
19	Mangan	mg/l	0,54		
20	Sắt	mg/l	1,08		
21	Tổng xyanua	mg/l	0,0756		Không yêu cầu
22	Tổng phenol	mg/l	0,11		
23	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/l	5,4		
24	Sunfua	mg/l	0,216		
25	Florua	mg/l	5,4		
26	Clorua	mg/l	540		
27	Clo dư	mg/l	1,08		
28	Coliform	Vi khuẩn /100ml	3.000		
29	Tổng hoạt độ phóng xạ α	Bq/l	0,1		
30	Tổng hoạt độ phóng xạ β	Bq/l	1,0		
31	Tổng hoá chất bảo vệ thực vật clo hữu cơ	mg/l	0,054	1 năm/lần	
32	Tổng hoá chất bảo vệ thực vật phốt pho hữu cơ	mg/l	0,324		
33	Tổng PCB	mg/l	0,00324		

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

- Nước thải công nghiệp phát sinh từ hoạt động sản xuất của các cơ sở thứ cấp (tương ứng với nguồn số 01) được thu gom dẫn về nhà máy xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp Sa Đéc công suất thiết kế 7.000 m³/ngày (24 giờ) để xử lý.

- Nước thải sinh hoạt phát sinh từ khu vực khu nhà điều hành của Khu công nghiệp Sa Đéc (tương ứng với nguồn số 02) (có 01 bể tự hoại 03 ngăn với dung tích 12 m³) được thu gom, dẫn về nhà máy xử lý nước thải tập trung công suất 7.000 m³/ngày (24 giờ) để xử lý.

- Nước thải phát sinh từ khu vực lưu chứa bùn (tương ứng với nguồn số 03) được thu gom, dẫn về nhà máy xử lý nước thải tập trung công suất 7.000 m³/ngày (24 giờ) để xử lý.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

1.2.1. Bể tự hoại của Khu công nghiệp Sa Đéc:

- Vị trí, thể tích bể tự hoại:

+ 01 bể tự hoại tại khu vệ sinh khu vực văn phòng nhà điều hành của Khu công nghiệp Sa Đéc, có thể tích thiết kế 14 m³.

+ 01 bể tự hoại tại khu vệ sinh của nhà máy xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp Sa Đéc, có thể tích thiết kế 10 m³.

- Tóm tắt quy trình công nghệ: nước thải sinh hoạt → Bể tự hoại 03 ngăn → Nhà máy xử lý nước thải tập trung.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: không.

1.2.2. Hệ thống xử lý nước thải tập trung:

- Tóm tắt quy trình công nghệ:

+ Quy trình công nghệ xử lý nước thải của module 1 và module 2: nước thải đầu vào → Bể gom/tách rác → Chia làm 02 module có công nghệ xử lý giống nhau: bể tách dầu, mỡ → Bể điều hòa → Bể hiếu khí sử dụng giá thể sinh học → Bể lắng → Bể khử trùng (chung cho 02 module) → Mương quan trắc → Sông Tiền.

+ Quy trình công nghệ xử lý nước thải của module 3: nước thải đầu vào → Bể gom/tách rác → Bể điều hòa kỵ khí → Bể Anoxic → Bể Aeroten (Bể bùn hoạt tính) → Bể lắng → Bể trung gian → Bể khử trùng → Mương quan trắc → Sông Tiền.

- Công suất thiết kế: 7.000 m³/ngày (24 giờ).

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Ca(ClO)₂ (hoặc các hóa chất khác tương đương đảm bảo chất lượng nước thải sau xử lý đạt yêu cầu và không phát sinh thêm chất ô nhiễm quy định tại Mục 2.3.3 Phần A Phụ lục này).

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

- Số lượng: 01 trạm (đã lắp đặt).

- Vị trí lắp đặt: tại mương quan trắc.

- Thông số lắp đặt: lưu lượng (đầu vào và đầu ra), nhiệt độ, pH, TSS, COD, amoni, tổng nitơ và tổng phốt pho (theo đề nghị của Chủ cơ sở tại báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường).

- Thiết bị lấy mẫu tự động: 01 thiết bị.

- Camera theo dõi: đã lắp camera giám sát.

- Kết nối, truyền số liệu: dữ liệu được truyền về Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đồng Tháp để theo dõi, giám sát (đã được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đồng Tháp xác nhận tại Văn bản số 4394/STNMT-CCBVMT ngày 30 tháng 11 năm 2021).

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa ứng phó sự cố:

1.4.1. Công trình ứng phó sự cố:

Đã xây dựng hồ sự cố tổng dung tích 12.476 m³ gồm 03 hồ liên thông, trong đó dung tích từng hồ là 4.221 m³, 3.187 m³ và 5.068 m³, hồ có chiều sâu từ -2,6 m đến -3,1 m để lưu chứa nước thải khi hệ thống xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp Sa Đéc gặp sự cố.

1.4.2. Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Đã trang bị một máy phát điện dự phòng với công suất 160 kVA đảm bảo luôn đáp ứng đủ điện năng cho nhà máy xử lý nước thải tập trung hoạt động ổn định trong trường hợp hệ thống lưới điện có sự cố.

- Trang thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường đối với nước thải có thiết bị dự phòng đối với tất cả các thiết bị vận hành thường xuyên, đáp ứng tiêu chuẩn, quy chuẩn thiết kế về xây dựng hoặc tiêu chuẩn về chất lượng sản phẩm hàng hóa.

- Khi duy tu, bảo dưỡng hệ thống: nước thải được chứa vào hồ sự cố. Đơn vị vận hành hệ thống tiến hành kiểm tra các bộ phận của máy móc thiết bị và tiến hành thay thế kịp thời bằng thiết bị dự phòng hiện có của cơ sở. Sau khi khắc phục, nước thải được bơm về bể điều hòa để tiếp tục xử lý.

- Thường xuyên giám sát hiệu suất xử lý nước thải của nhà máy xử lý nước thải tập trung để kịp thời phát hiện và xử lý sự cố đảm bảo không để nước thải chưa được xử lý đạt yêu cầu xả ra môi trường.

- Vận hành và bảo trì các máy móc thiết bị trong nhà máy xử lý nước thải tập trung thường xuyên theo đúng hướng dẫn kỹ thuật của nhà cung cấp.

- Thực hiện công tác duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa máy móc, thiết bị, đảm bảo máy móc thiết bị hoạt động tốt.

- Định kỳ thuê đơn vị chức năng hút bùn tại bể tự hoại.

- Định kỳ hàng năm bảo dưỡng, nạo vét cống thoát nước, hố thu đường ống thu gom nước thải và xả nước thải sau xử lý theo đúng yêu cầu kỹ thuật.

- Kiểm soát chất lượng nước đầu ra từ các doanh nghiệp thứ cấp: thường xuyên kiểm tra việc xả thải các doanh nghiệp thông qua các hố ga nước thải đặt ngoài hàng rào của doanh nghiệp; lập danh sách các doanh nghiệp có nguy cơ gây ô nhiễm và thường xuyên lấy mẫu kiểm tra nước thải các doanh nghiệp này.

- Vận hành thường xuyên hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục để giám sát nước thải sau xử lý; bố trí cán bộ phụ trách về môi trường được đào tạo, chuyển giao kỹ thuật vận hành hệ thống xử lý nước thải tập trung, ứng phó sự cố.

- Trường hợp nhà máy xử lý nước thải tập trung gặp sự cố:

+ Do tải lượng các chất ô nhiễm trong đầu vào nhà máy xử lý nước thải tập trung tăng đột ngột ảnh hưởng đến hiệu quả xử lý của hệ thống xử lý: chuyển toàn bộ nước thải qua hồ sự cố để xử lý. Sau khi xử lý xong nước thải được bơm về bể thu gom.

+ Do chất lượng nước thải của các doanh nghiệp vượt quá giới hạn tiếp nhận của Khu công nghiệp Sa Đéc: ngay lập tức nhân viên nhà máy xử lý nước thải tập trung yêu cầu doanh nghiệp ngưng xả nước thải, tạm thời ngừng tiếp nhận nước thải, lấy mẫu nước thải, niêm phong và gửi bên thứ ba để phân tích, sau đó cùng kiểm tra nguyên nhân, khắc phục sự cố và chỉ thu gom trở lại khi chất lượng nước thải đạt giới hạn tiếp nhận của Khu công nghiệp Sa Đéc.

+ Nước thải sau xử lý không đạt QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp (cột A, $K_q = 1,2$ và $K_f = 0,9$). Nhân viên vận hành sẽ đóng van cửa phai và khởi động hệ thống bơm đặt tại mương quan trắc tiến hành bơm toàn bộ nước thải không đạt tiêu chuẩn xả thải về hồ sự cố để lưu trữ. Lượng nước thải từ hồ sự cố sẽ được bơm về bể thu gom để tái xử lý bằng hệ thống bơm chìm đặt tại hồ sự cố.

1.5. Tiêu chuẩn nước thải đầu vào hệ thống xử lý nước thải tập trung:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giới hạn tiếp nhận
1	Nhiệt độ	$^{\circ}\text{C}$	40
2	pH	-	5,5 – 9
3	Chất rắn lơ lửng	mg/l	108
4	COD	mg/l	162
5	Amoni (tính theo N)	mg/l	10,8
6	Tổng nitơ	mg/l	43,2
7	Tổng phốt pho	mg/l	6,48
8	Màu	Pt/Co	150
9	BOD ₅ (20 ⁰ C)	mg/l	54
10	Asen	mg/l	0,108
11	Thủy ngân	mg/l	0,011
12	Chì	mg/l	0,54
13	Cadimi	mg/l	0,108
14	Crom (VI)	mg/l	0,108
15	Crom (III)	mg/l	1,08
16	Đồng	mg/l	2,16
17	Kẽm	mg/l	3,24
18	Niken	mg/l	0,54
19	Mangan	mg/l	1,08
20	Sắt	mg/l	5,4
21	Tổng xyanua	mg/l	0,108
22	Tổng phenol	mg/l	0,54
23	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/l	10,8

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giới hạn tiếp nhận
24	Sunfua	mg/l	0,54
25	Florua	mg/l	10,8
26	Clorua	mg/l	1.080
27	Clo dư	mg/l	2,16
28	Coliform	Vi khuẩn/100ml	5.000
29	Tổng hoạt độ phóng xạ α	Bq/l	0,1
30	Tổng hoạt độ phóng xạ β	Bq/l	1
31	Tổng hoá chất bảo vệ thực vật clo hữu cơ	mg/l	0,108
32	Tổng hoá chất bảo vệ thực vật photpho hữu cơ	mg/l	1,08
33	Tổng PCB	mg/l	0,011

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: 03 tháng kể từ ngày Giấy phép này có hiệu lực.

2.2. Công trình thiết bị xử lý nước thải phải vận hành thử nghiệm:

Nhà máy xử lý nước thải module số 01 công suất 1.500 m³/ngày và module số 02 công suất 1.500 m³/ngày.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu tại 02 vị trí, cụ thể:

- 01 vị trí tại bể gom nước thải đầu vào nhà máy xử lý nước thải tập trung. Tọa độ: X=1141349; Y=582384 (theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trục 105⁰, múi chiều 3)⁰.

- 01 vị trí tại đầu ra của nhà máy xử lý nước thải tập trung (mương quan trắc). Tọa độ: X=1141330; Y=582339 (theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trục 105⁰, múi chiều 3)⁰.

2.2.2. Chất ô nhiễm và giới hạn cho phép của chất ô nhiễm:

Trong quá trình vận hành thử nghiệm, Công ty phải giám sát các chất ô nhiễm trong nước thải sau xử lý và đánh giá hiệu quả xử lý của nhà máy xử lý nước thải tập trung theo giá trị giới hạn cho phép xả thải ra môi trường theo quy định tại Mục 2.3.3 của Phần A Phụ lục này.

2.3. Tần suất lấy mẫu:

Thực hiện quan trắc trong quá trình vận hành thử nghiệm của nhà máy xử lý nước thải tập trung theo quy định tại Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT, cụ thể như sau:

- Giai đoạn điều chỉnh hiệu quả của công trình xử lý nước thải: tối thiểu 15 ngày/lần.
- Giai đoạn vận hành ổn định: ít nhất là 07 ngày liên tiếp (01 ngày/lần) sau giai đoạn điều chỉnh hiệu quả.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của Khu công nghiệp Sa Đéc Khu C và Khu C mở rộng, bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Mục 2.3.3 Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Hệ thống thu gom và thoát nước mưa, thu gom và thoát nước thải phải thường xuyên được nạo vét, duy tu, bảo dưỡng định kỳ để đảm bảo luôn trong điều kiện vận hành bình thường. Hệ thống thu gom và thoát nước mưa phải có hố ga lắng cặn, tách váng dầu

trước khi xả vào hệ thống thoát nước mưa chung của khu vực, đảm bảo các yêu cầu về tiêu thoát nước và vệ sinh môi trường trong quá trình hoạt động của Khu công nghiệp.

3.3. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả các hệ thống, công trình thu gom, xử lý nước thải. Việc vận hành hệ thống xử lý nước thải tập trung phải có nhật ký vận hành ghi chép đầy đủ các nội dung: lưu lượng (đầu vào, đầu ra), các thông số đặc trưng của nước thải đầu vào và đầu ra (nếu có); lượng điện tiêu thụ; loại và lượng hóa chất sử dụng, bùn thải phát sinh; nhật ký vận hành viết bằng tiếng Việt và lưu giữ tối thiểu 02 năm.

3.4. Hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục phải được truyền dẫn thường xuyên, ổn định dữ liệu, số liệu quan trắc về Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đồng Tháp. Thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục phải được thử nghiệm, kiểm định, hiệu chuẩn theo quy định pháp luật về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng. Việc kết nối, truyền số liệu quan trắc nước thải tự động, liên tục được thực hiện theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và quy định tại Thông tư số 10/2021/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật quan trắc môi trường và quản lý thông tin, dữ liệu quan trắc chất lượng môi trường. Hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục phải được kiểm soát định kỳ 01 lần/năm theo quy định tại Thông tư số 10/2021/TT-BTNMT.

Trường hợp hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục đã đáp ứng các yêu cầu theo quy định, Công ty được miễn trách nhiệm quan trắc định kỳ nước thải đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2024; sau thời gian này, chỉ được miễn thực hiện quan trắc nước thải công nghiệp định kỳ đối với các thông số đã được quan trắc tự động, liên tục.

3.5. Trong quá trình vận hành thử nghiệm, thực hiện nghiêm túc, đầy đủ trách nhiệm các nội dung quy định tại khoản 7 và khoản 8 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP. Trường hợp có thay đổi kế hoạch vận hành thử nghiệm theo Giấy phép này thì phải thực hiện trách nhiệm theo quy định tại khoản 5 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP. Tổng hợp, đánh giá số liệu quan trắc nước thải và lập báo cáo kết quả vận hành thử nghiệm xử lý nước thải gửi Bộ Tài nguyên và Môi trường, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đồng Tháp trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày kết thúc vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải.

3.6. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi có bất kỳ thông số nào không đạt yêu cầu quy định tại Mục 2.3.3 Phần A Phụ lục này và phải dừng ngay việc xả nước thải để thực hiện các biện pháp khắc phục.

Phụ lục 2**BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-BTNMT ngày tháng năm 2023
của Bộ Tài nguyên và Môi trường)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG:**1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:**

- Nguồn số 01: cụm máy thổi khí của module số 01 của nhà máy xử lý nước thải tập trung.
- Nguồn số 02: cụm máy thổi khí của module số 02 của nhà máy xử lý nước thải tập trung.
- Nguồn số 03: cụm máy thổi khí của module số 03 của nhà máy xử lý nước thải tập trung.
- Nguồn số 04: máy phát điện dự phòng của nhà máy xử lý nước thải tập trung.

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung:

Theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến 107°45' múi chiều 3°

TT	Tên nguồn thải	Tọa độ vị trí X	Tọa độ vị trí Y
1	Cụm máy thổi khí của module số 01 - nhà máy xử lý nước thải tập trung	1141338	582367
2	Cụm máy thổi khí của module số 02 - nhà máy xử lý nước thải tập trung	1141329	582342
3	Cụm máy thổi khí của module số 03 - nhà máy xử lý nước thải tập trung	1141305	582366
4	Máy phát điện dự phòng của nhà máy xử lý nước thải tập trung	1141335	582352

3. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

3.1. Tiếng ồn:

TT	Từ 6 giờ đến 21 giờ (dBA)	Từ 21 giờ đến 6 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	70	55	-	Khu vực thông thường

3.2. Độ rung:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép (dB)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ		
1	70	60	-	Khu vực thông thường

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG:**1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:**

1.1. Kiểm tra sự cân bằng của máy bơm, máy thổi khí khi lắp đặt. Kiểm tra độ mòn của các chi tiết và cho dầu bôi trơn theo định kỳ.

1.2. Công nhân được trang bị bảo hộ lao động.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

2.2. Định kỳ bảo dưỡng, vệ sinh máy móc, thiết bị, bảo đảm các máy móc, thiết bị hoạt động ổn định để giảm thiểu tiếng ồn, độ rung.

Phụ lục 3**YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,
PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-BTNMT ngày tháng năm 2023
của Bộ Tài nguyên và Môi trường)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI:**1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh:****1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:**

TT	Tên chất thải	Mã chất thải	Khối lượng (kg/năm)
I	Chất thải nguy hại phát sinh từ hoạt động của khu nhà điều hành, trạm xử lý nước thải tập trung		95
1	Hộp chứa mực in (loại có các thành phần nguy hại trong nguyên liệu sản xuất mực) thải	08 02 04	5
2	Bóng đèn huỳnh quang thải	16 01 06	5
3	Các thiết bị, linh kiện điện tử thải	16 01 13	5
4	Cặn dầu nhớt bảo trì máy móc, cặn dầu DO	17 06 01	60
5	Bao bì mềm (đã chứa chất khi thải ra là CTNH) thải	18 01 01	5
6	Bao bì nhựa cứng (đã chứa chất khi thải ra là CTNH) thải	18 01 03	5
7	Bao bì cứng (đã chứa chất khi thải ra là CTNH) thải bằng các vật liệu khác	18 01 04	5
8	Giẻ lau, găng tay dính dầu nhớt, giấy lau dính dầu nhớt hóa chất	18 02 01	5
II	Chất thải nguy hại phát sinh từ hoạt động của bến thủy nội địa		15
1	Bóng đèn huỳnh quang thải	16 01 06	2
2	Cặn dầu nhớt bảo trì máy móc, cặn dầu DO	17 06 01	10
3	Giẻ lau, găng tay dính dầu nhớt, giấy lau dính dầu nhớt hóa chất	18 02 01	3
Tổng khối lượng (I+II)			110

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải công nghiệp phải kiểm soát:

Thực hiện phân định, phân loại các loại chất thải phải kiểm soát theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT để có biện pháp quản lý phù hợp:

TT	Tên chất thải	Tần suất quan trắc để kiểm soát	Mã chất thải	Ký hiệu phân loại	Khối lượng dự kiến (kg/năm)
1	Bùn thải có các thành phần nguy hại từ quá trình xử lý nước thải công nghiệp	Định kỳ quan trắc 03 tháng/lần.	12 06 05	KS	96.000
Tổng khối lượng					96.000

1.3. Khối lượng chất thải rắn công nghiệp thông thường:

TT	Tên chất thải	Khối lượng (kg/năm)
1	Rác thải từ song chắn rác	3.650
	Tổng khối lượng	3.650

1.4. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh:

TT	Tên chất thải	Khối lượng (kg/năm)
1	Chất thải rắn sinh hoạt (khu nhà điều hành và nhà máy xử lý nước thải tập trung)	3.650
2	Chất thải rắn sinh hoạt (từ hoạt động của bến thủy nội địa)	1.825
	Tổng khối lượng	5.475

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại:**2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:**

2.1.1. *Thiết bị lưu chứa:* 08 thùng chứa nhựa HDPE có thể tích 240 lít kín khít, có nắp đậy, được dán nhãn tại khu vực phát sinh và chuyển giao cho đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý.

2.1.2. Kho lưu chứa chất thải nguy hại:

- Diện tích kho: 24,8 m².
 - Thiết kế, cấu tạo kho lưu chứa: nền kho đổ bê tông, tường gạch dày, mái tôn, có cửa kéo và có xây gờ chắn; có cát và xẻng để sử dụng trong trường hợp rò rỉ, rơi vãi, đổ tràn chất thải nguy hại ở thể lỏng; có biển dấu hiệu cảnh báo, phòng ngừa.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải công nghiệp phải kiểm soát

- Thiết bị lưu chứa: 03 bể chứa bùn bằng bê tông cốt thép có thể tích lần lượt là: 180 m³, 180 m³ và 652,8 m³.

- Khu vực lưu chứa: nhà máy xử lý nước thải tập trung của cơ sở.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:

Thiết bị lưu chứa: thùng chứa nhựa HDPE có thể tích 90 lít kín khít, có nắp đậy.

2.4. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

Thiết bị lưu chứa: thùng chứa nhựa HDPE có thể tích 90 lít kín khít, có nắp đậy và chuyển giao cho đơn vị có đủ chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

2.5. Yêu cầu chung đối với thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt:

Các thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt phải đáp ứng đầy đủ yêu cầu theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG:

1. Thực hiện phương án phòng, chống, ứng phó với sự cố rò rỉ hóa chất và các sự cố khác theo quy định của pháp luật.

2. Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 của Luật Bảo vệ môi trường.

3. Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

Phụ lục 4**CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-BTNMT ngày tháng năm 2023 của Bộ Tài nguyên và Môi trường)

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG:

Không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC:

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

C. CÁC NỘI DUNG CHỦ DỰ ÁN ĐẦU TƯ/CƠ SỞ TIẾP TỤC THỰC HIỆN THEO QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG:

Đã hoàn thành toàn bộ các hạng mục hạ tầng kỹ thuật bảo vệ môi trường trên tổng diện tích 91,37 ha của Khu công nghiệp Sa Đéc theo Quyết định số 3421/QĐ-BTNMT ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc phê duyệt báo cáo đánh giá tác động của Dự án “Xây dựng cơ sở hạ tầng của Khu Công nghiệp Sa Đéc, thành phố Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp (hạng mục: nâng cấp, điều chỉnh công nghệ module 01 và module 02 công suất 3.000 m³/ngày.đêm của nhà máy xử lý nước thải tập trung Khu C và C mở rộng Khu công nghiệp Sa Đéc, công suất 7.000 m³/ngày.đêm)”; không còn hạng mục công trình và yêu cầu bảo vệ môi trường cần tiếp tục đầu tư.

D. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG:

1. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường. Thực hiện phân định, phân loại các loại chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT. Khu vực lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt phải luôn đảm bảo đáp ứng các quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT. Định kỳ chuyển giao chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường (không bao gồm chất thải ký hiệu TT-R), chất thải nguy hại cho đơn vị chức năng theo quy định.

2. Bố trí nhân sự phụ trách về bảo vệ môi trường được đào tạo chuyên ngành môi trường hoặc lĩnh vực phù hợp theo quy định pháp luật.

3. Ban hành quy chế về bảo vệ môi trường của Khu công nghiệp phù hợp yêu cầu về bảo vệ môi trường theo quy định tại Luật Bảo vệ môi trường.

4. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm hoặc đột xuất, trong đó cập nhật các thay đổi thông tin về khối lượng, chủng loại chất thải phát sinh theo quy định; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.

5. Khí thải phát sinh từ máy phát điện dự phòng (công suất 160 kVA, nhiên liệu sử dụng là dầu diesel), chỉ sử dụng gián đoạn trong các trường hợp mất điện, không yêu cầu phải có hệ thống xử lý khí thải, nhưng nhiên liệu dầu diesel sử dụng phải đáp ứng yêu cầu về chất lượng theo quy định pháp luật về chất lượng sản phẩm, hàng hóa.

6. Phải có biện pháp tăng cường kiểm soát, giảm thiểu mùi hôi trong quá trình xử lý nước thải và lưu giữ chất thải.

7. Đền bù, khắc phục sự cố môi trường nếu để xảy ra sự cố môi trường trong quá trình thực hiện Dự án theo quy định của pháp luật hiện hành.

8. Thỏa thuận cụ thể điều kiện đầu nối nước thải với các nhà đầu tư thứ cấp trong Khu công nghiệp Sa Đéc trước khi thực hiện đầu nối nước thải về hệ thống xử lý nước thải tập trung, bảo đảm toàn bộ nước thải phát sinh từ các cơ sở thứ cấp trong Khu công nghiệp Sa Đéc được thu gom, đầu nối vào hệ thống xử lý nước thải tập trung để xử lý.

9. Bảo đảm diện tích và tỷ lệ cây xanh theo quy định của pháp luật về xây dựng.

10. Thực hiện đầy đủ trách nhiệm theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường nêu tại Giấy phép này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới./.